TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/DS-PT
Ngày 14-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Thanh Chín;
2. Ông Trần Phước Hiệu;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*** Ông Đinh Văn Lai, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2023/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 31/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Tù Vày P, sinh năm 1976; có mặt
- Ông Phu Sẹc Ố, sinh năm 1975; có mặt

Địa chỉ: Số I thôn B, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P và ông Ố:

- Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 1982, địa chỉ: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. có mặt

- Bà Tù Vày K, sinh năm 1981, địa chỉ: số E N, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. có mặt

2. Bị đơn:

- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966; có mặt

- Ông Sỳ Sìn V, sinh năm 1958; có mặt

Địa chỉ: Số E, thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3. Người kháng cáo: Bà Bùi Thị L, ông Sỳ Sìn V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2019, vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V có vay của vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P nhiều lần để mua nông sản và bán lại cho ông Ố và bà P. Trong năm 2016, vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V có vay của vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P 06 lần với tổng số tiền là 360.000.000 đồng, lãi suất 3% trên tháng. cụ thể:

- Ngày 09/04/2016(AL) nhằm ngày 15/5/2016(DL) vay 190.000.000 đồng.

- Ngày 19/04/2016(AL) nhằm ngày 25/5/2016(DL) vay 10.000.000 đồng.

- Ngày 19/05/2016(AL) nhằm ngày 23/6/2016(DL) vay 60.000.000 đồng.

- Ngày 29/05/2016(AL) nhằm ngày 03/7/2016(DL) vay 40.000.000 đồng.

- Ngày 22/6/2016(AL) nhằm ngày 25/7/2016 (DL) vay 30.000.000 đồng.

- Ngày 13/9/2016 (AL) nhằm ngày 13/10/2016(DL) vay 30.000.000 đồng.

Vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V đã trả tiền lãi nhiều lần cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P số tiền là 115.200.000đồng nhưng không xác định cụ thể thời điểm trả.

Sau khi đối chiếu sổ sách giữa nguyên đơn, bị đơn xác nhận số nợ còn lại là 539.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn có nhận của bị đơn số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn đã nhận của bị đơn số tiền 165.200.000 đồng (115.200.000 đồng + 50.000.000đồng).

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 620.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Sỳ Sìn V phải trả cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P số tiền nợ vay là 489.000.000đồng (539.000.000đồng - 50.000.000đồng) và lãi suất là 3%/tháng tính đến năm 2018, và yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 360.000.000đồng nợ gốc, tính lãi theo lãi suất ngân hàng trên số tiền 360.000.000đồng đến ngày 31/12/2018 và lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn trình bày:

Trong năm 2016, vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V có vay của vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P 06 lần với số tiền là 360.000.000 đồng. Do vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P giao số tiền 360.000.000đồng để thu mua bắp, sau đó chuyển giao lại hàng cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P. Qua thời gian thực hiện việc thu mua hàng hóa thì vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L đã giao hàng hóa (Bắp) cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P, quy ra giá trị với số tiền là 405.000.000 đồng nên vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L không còn nợ vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P nữa. Vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L không yêu cầu vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P trả lại số tiền 45.000.000đồng đã trả thừa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L phải trả cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà T Vày Phóng số tiền 283.081.389 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất do chậm thi hành án, án phí theo quy định.

Ngày 20/3/2023, bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình để đảm bảo quyền, lợi ích của ông, bà. Vì vợ chồng bà Bùi Thị L và ông Sỳ Sìn V có nhận số tiền là 360.000.000đồng của vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P để thu mua bắp, sau đó ông V và bà L đã bán lại rồi quy ra tiền giao trả cho vợ chồng ông Phu Sẹc

Ố và bà Tù Vày P số tiền 405.000.000 đồng nên vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L không còn nợ vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn thừa nhận cuốn sổ do bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm là do nguyên đơn viết, giao cho bị đơn giữ để theo dõi số tiền vay gốc 360.000.000đồng và các lần bị đơn trả tiền lãi. Ngoài ra nguyên đơn đang giữ 01 sổ với nội dung tương tự nhưng có chữ ký của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn chưa trả hết số tiền nợ gốc và lãi nên nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo. Bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử bản gốc sổ theo dõi số tiền vay gốc 360.000.000đồng và các lần bị đơn trả tiền. Theo bị đơn sổ này do nguyên đơn viết giao cho bị đơn giữ để biết, ngoài ra nguyên đơn đang giữ 01 sổ với nội dung tương tự nhưng có chữ ký của bị đơn. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ số tiền bị đơn đã trả 405.000.000đồng vào số tiền 360.000.000đồng mà bị đơn đã vay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị L và ông Sỳ S Vảy là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị L và ông Sỳ S Vảy nhận thấy:

[2.1] Về số tiền nợ gốc:

Nguyên đơn trình bày bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc 360.000.000đồng nhưng chưa trả. Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 360.000.000đồng nhưng đã trả xong. Tòa án sơ thẩm xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn 360.000.000đồng là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi:

- Nguyên đơn cho rằng việc bị đơn vay tiền là có tính lãi với mức lãi suất 3%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng từ khi vay đến hết năm 2018; Bị đơn cho rằng việc vay tiền không tính lãi nhưng căn cứ lời khai bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp thể hiện các lần bị đơn trả tiền được trừ vào tiền gốc và lãi do nguyên đơn tính; đối chiếu số tiền lãi với thời gian tính tiền lãi xác định số tiền lãi được tính trên mức lãi suất 3%. Vì vậy có cơ sở xác định bị đơn vay tiền của nguyên đơn với mức lãi suất 3%/tháng. Nhận thấy nguyên đơn tính lãi suất 3%/tháng = 36%/năm là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (không quá 20%/năm) nên áp dụng Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để tính lại số tiền lãi bị đơn phải trả theo quy định pháp luật. Trường hợp số tiền lãi đã trả cao hơn số tiền lãi bị đơn phải trả theo quy định pháp luật thì số tiền lãi đã trả vượt quá được trừ vào tiền nợ gốc.

- Tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ."

- Lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N là 9%/năm. Nguyên đơn cho bị đơn vay với lãi suất 3%/tháng = 36%/năm vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố (13,5%/năm) nên số tiền lãi bị đơn phải trả theo quy định pháp luật được tính không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản 9%/năm = 1,125%/tháng, cụ thể như sau:

+ Ngày 15/05/2016 vay 190.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (190.000.000đồng x 1,125%/tháng x 31 tháng) + (190.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 16 ngày) = 67.402.500đồng;

+ Ngày 25/5/2016 vay 10.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (10.000.000đồng x 1,125%/tháng x 31 tháng) + (10.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 06 ngày) = 3.510.000đồng;

+ Ngày 23/6/2016 vay 60.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (60.000.000đồng x 1,125%/tháng x 30 tháng) + (60.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 08 ngày) = 20.430.000đồng;

+ Ngày 03/7/2016 vay 40.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (40.000.000đồng x 1,125%/tháng x 29 tháng) + (40.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 28 ngày) = 13.470.000đồng;

+ Ngày 25/7/2016 vay 30.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (30.000.000đồng x 1,125%/tháng x 29 tháng) + (30.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 06 ngày) = 9.855.000đồng;

+ Ngày 13/10/2016 vay 30.000.000đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/12/2018 là: (30.000.000đồng x 1,125%/tháng x 26 tháng) + (30.000.000đồng x 1,125%/tháng/30ngày x 18 ngày) = 8.977.500đồng;

Tổng số tiền lãi tính theo quy định pháp luật bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 123.645.000đồng.

[2.3] Về số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn:

Vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P cho rằng vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L chỉ trả lãi là 165.200.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ tài liệu là sổ theo dõi do bị đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/8/2023, được Hội đồng xét xử công khai cho nguyên đơn xem, nguyên đơn thừa nhận nội dung sổ do chính nguyên đơn viết và giao cho bị đơn giữ để biết. Theo sổ thể hiện bà L đã trả tiền cho vợ chồng ông Ố, bà P như sau: tại trang 3 (Dì gửi 60.000.000đồng và đưa 15.000.000đồng), trang 4 (8/4 gửi 10.000.000đồng, 22/4 gửi 20.000.000đồng, 6/5 gửi 10.000.000đồng, 4/7 gửi 10.000.000đồng), trang 5 (23/9 gửi 20.000.000đồng, 1/10 gửi 10.000.000đồng, 10/10 gửi 10.000.000đồng, 29/10 gửi 10.000.000đồng, 30/11 gửi 10.000.000đồng), trang 6 (19/2 gửi 15.000.000đồng, 12/3 gửi 10.000.000đồng, 2/8 gửi 20.000.000đồng, 8/11 gửi 40.000.000đồng, 15/11 gửi 10.000.000đồng), trang 7 (5/12 gửi 10.000.000đồng, 24/12 gửi 10.000.000đồng và số tiền 45.000.000đồng), trang 9 (13/2 gửi 10.000.000đồng, 21/2 gửi 10.000.000đồng, 12/3 gửi 10.000.000đồng, 24/3 gửi 20.000.000đồng), trang cuối cùng (gửi 27/8 10.000.000đồng), có cơ sở xác định bà L đã trả cho vợ chồng bà P, ông Ố tổng cộng 405.000.000đồng. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn chỉ trả tiền lãi 165.200.000 đồng là không đúng.

Do các lần bị đơn trả tiền không thể hiện rõ thời gian trả, đồng thời số tiền bị đơn trả trong mỗi lần gồm tiền gốc và lãi nhưng nguyên đơn, bị đơn không xác định được trong số tiền mỗi lần bị đơn trả gồm bao nhiêu tiền gốc, tiền lãi nên không có cơ sở xác định số tiền lãi trong mỗi lần trả có vượt quá số tiền lãi tính theo quy định pháp luật hay không để trừ vào nợ gốc. Vì vậy tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn được trừ vào tổng số tiền lãi tính theo quy định pháp luật,

số tiền đã trả vượt quá là 281.355.000đồng (405.000.000đồng - 123.645.000đồng) được trừ vào số tiền nợ gốc. Vì vậy bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 360.000.000đồng - 281.355.000đồng = 78.645.000đồng.

Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 9,5%/tháng (theo công bố của Ngân hàng N1) để tính số tiền lãi bị đơn phải trả theo quy định pháp luật là không đúng quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Đồng thời Tòa án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp dẫn đến việc xác định số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn 283.081.389đồng là không đúng. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 360.000.000đồng và tiền lãi theo ngân hàng đến hết năm 2018 (là 123.645.000đồng), tổng cộng là 483.645.000đồng. Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận là thiếu sót.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Về án phí:

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là 405.000.000đồng (483.645.000đồng - 78.645.000đồng); Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 78.645.000đồng, nhưng ông Sỳ Sìn V trên 60 tuổi nên được miễn phần án phí mà ông phải chịu.

- Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Áp dụng Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P.

Buộc vợ chồng ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Phu Sẹc Ố và bà T Vày Phóng số tiền 78.645.000đồng (Bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P đòi bị đơn ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L phải trả số tiền 405.000.000đồng (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Ông Sỳ Sìn V được miễn 1.966.125đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Bùi Thị L phải chịu 1.966.125đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ số tiền 600.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Sỳ Sìn V và bà Bùi Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0002858, 0002859 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Bà Bùi Thị L còn phải chịu số tiền 1.366.125đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P phải chịu 20.200.000đồng (Hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ số tiền 15.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P đã nộp theo biên lai thu số 0006258 ngày 19/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Ông Phu Sẹc Ố và bà Tù Vày P còn phải chịu 4.700.000đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Bắc Bình;
- Chi Cục THADS huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Hùng